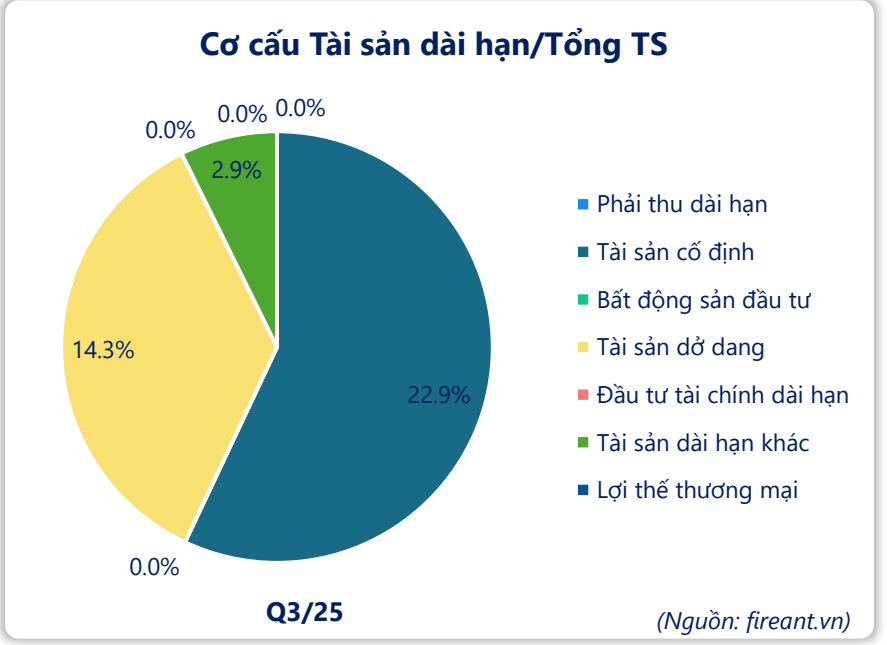
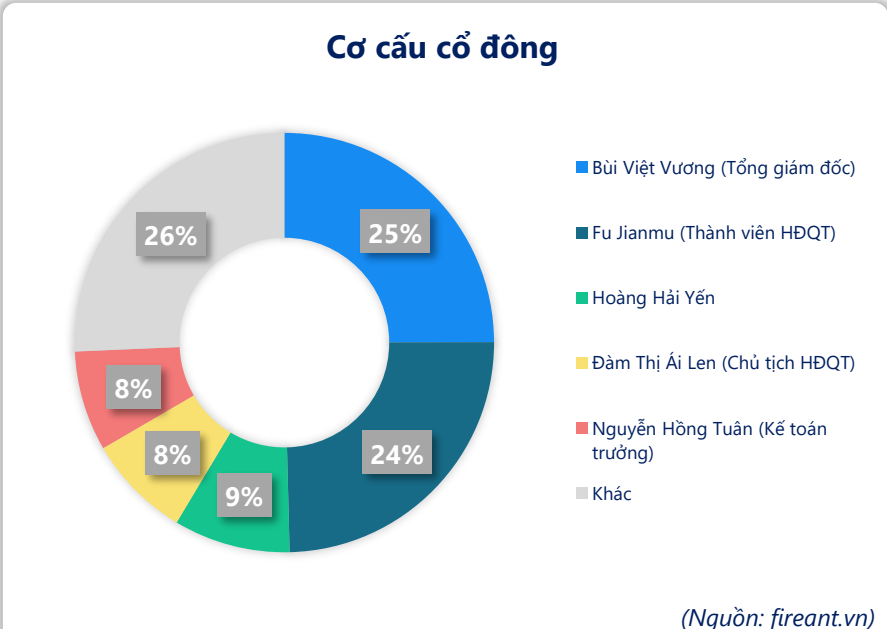
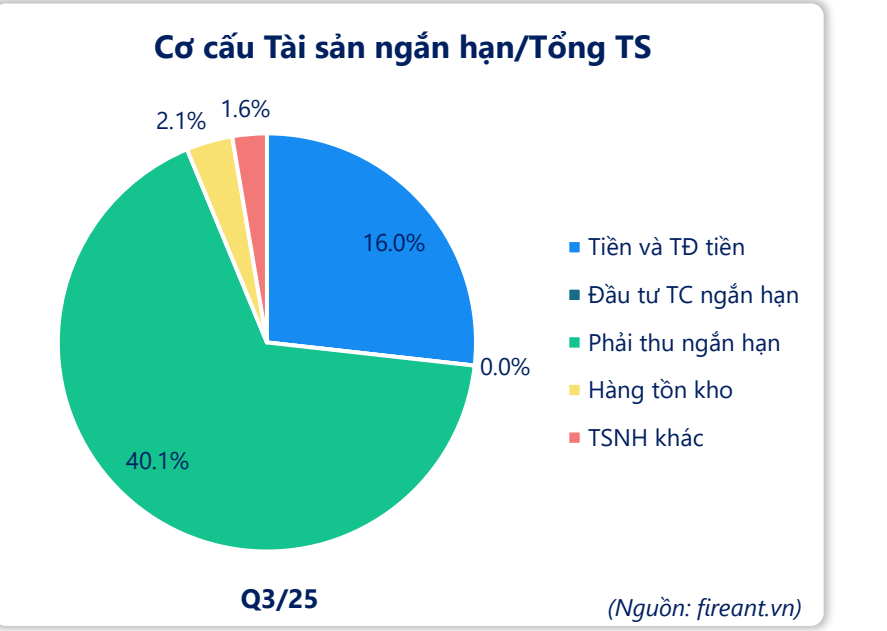
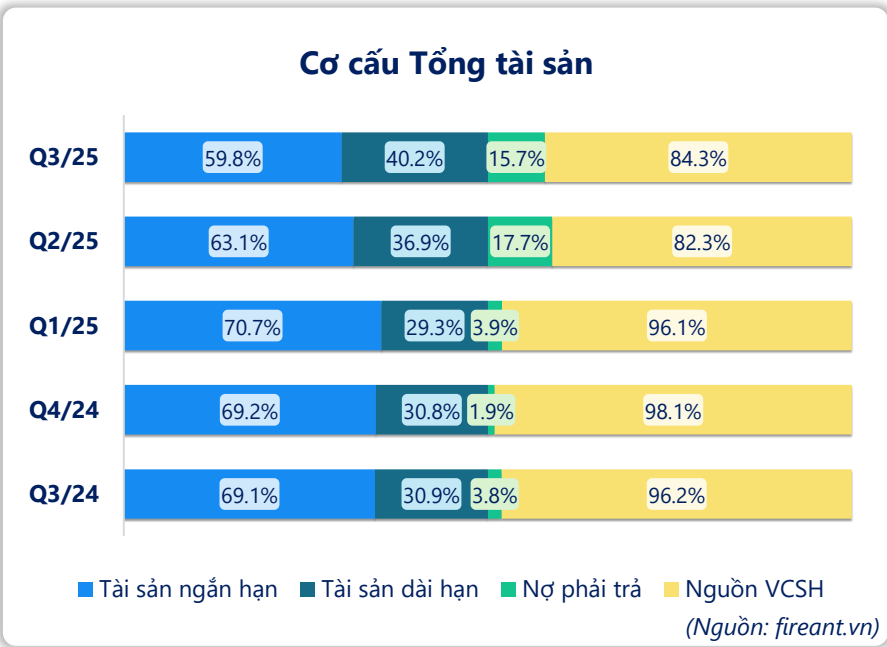
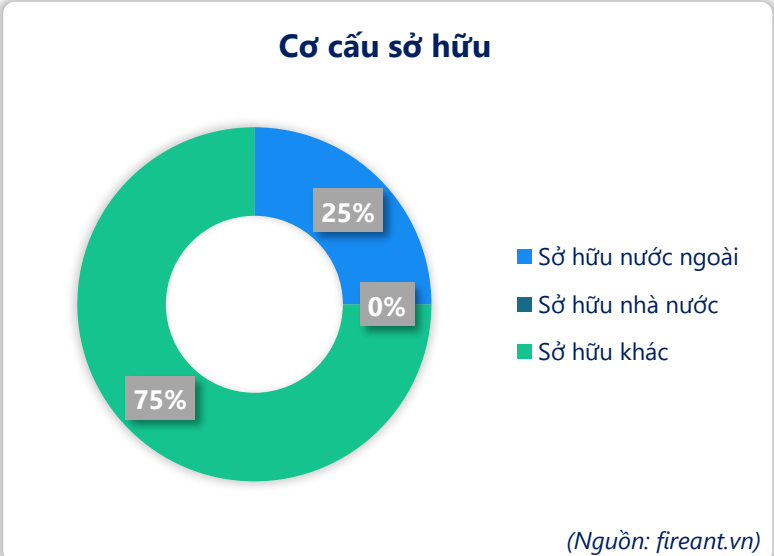
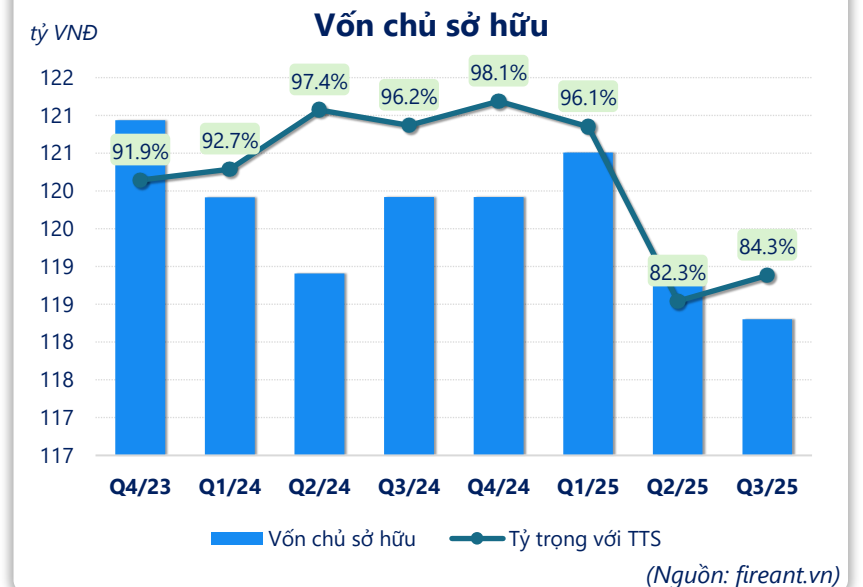
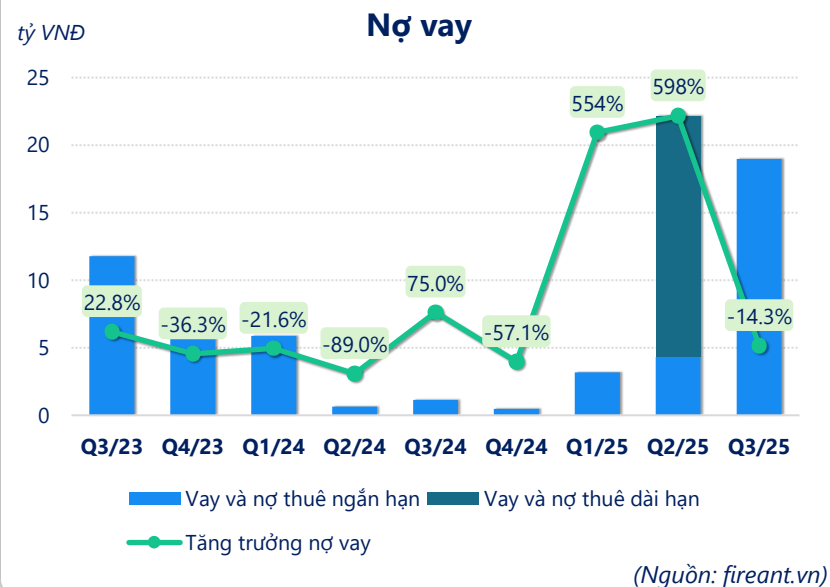
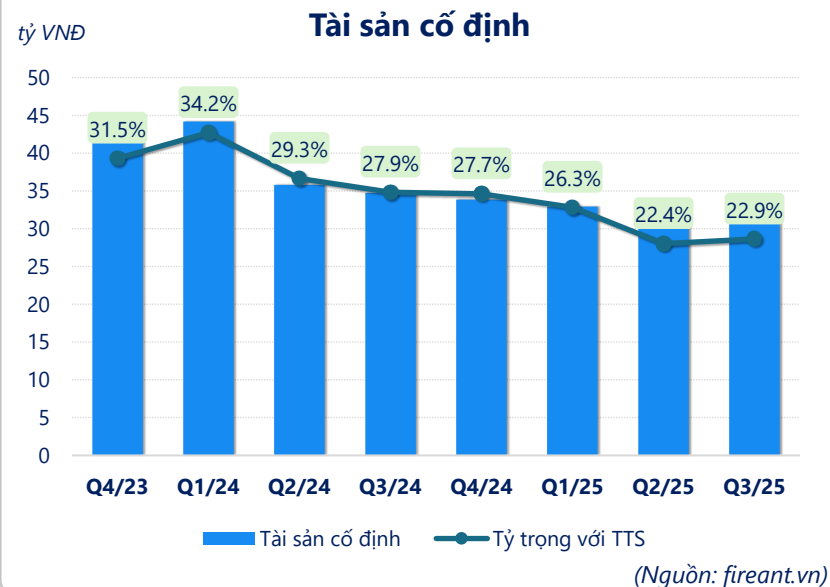
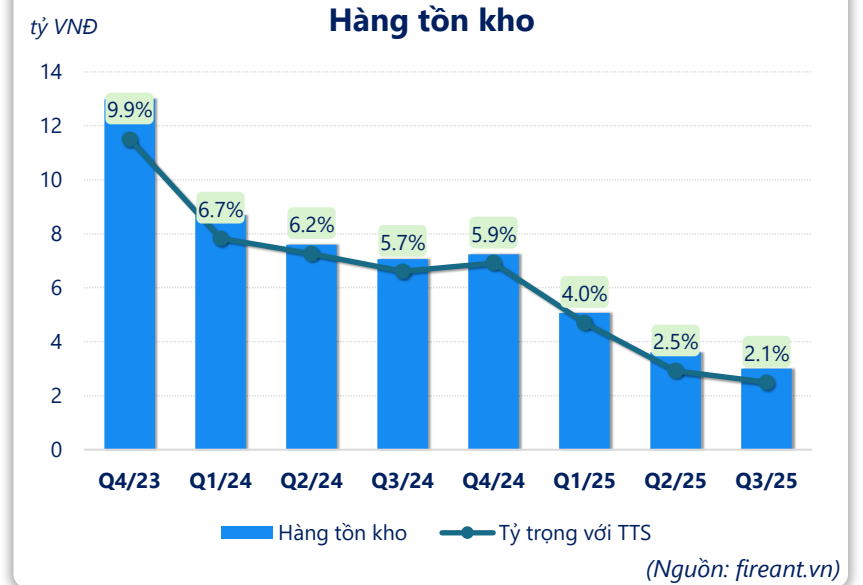
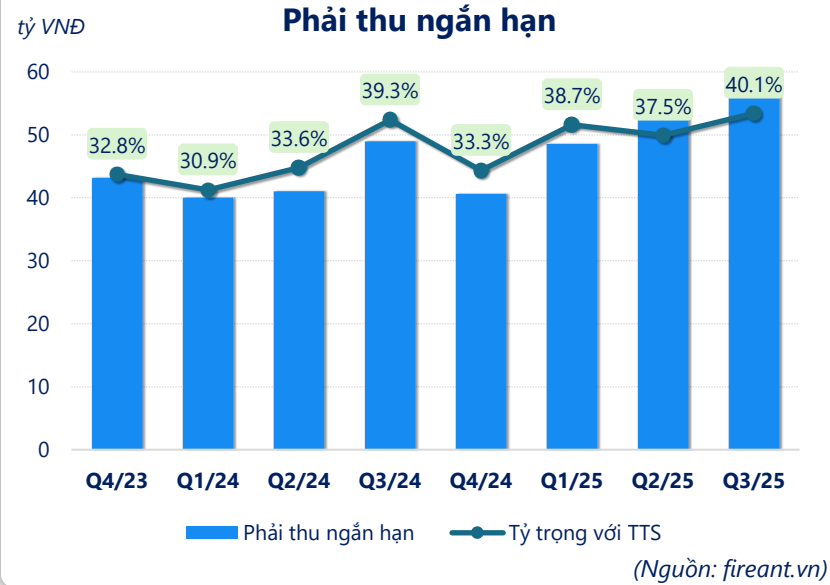
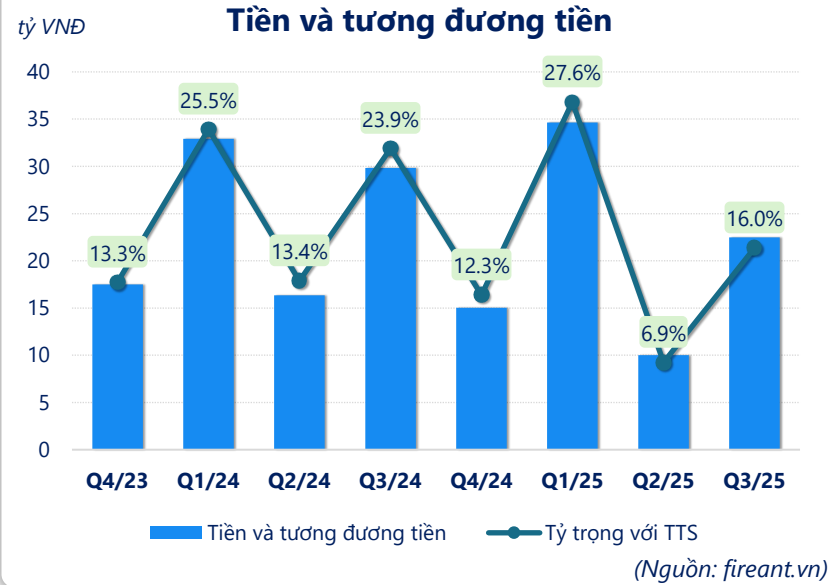
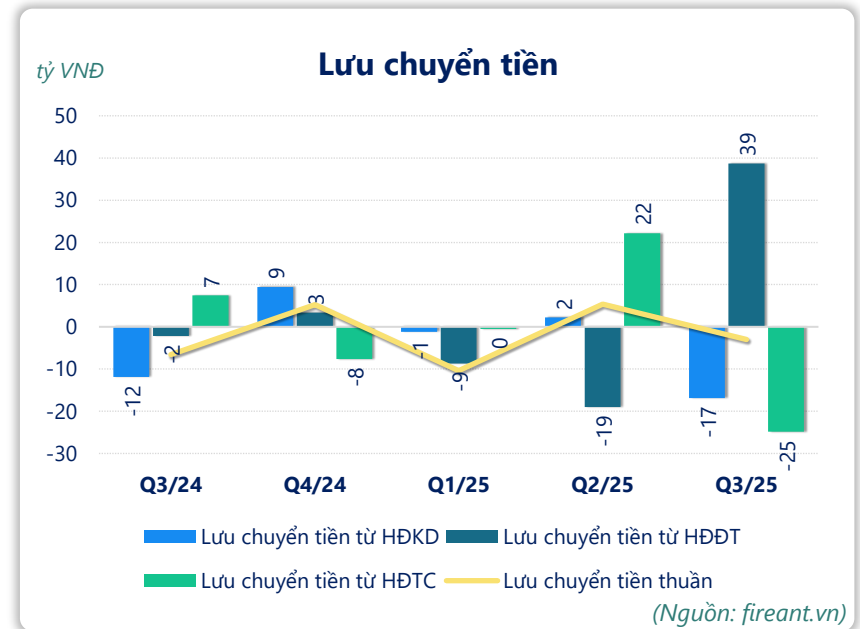
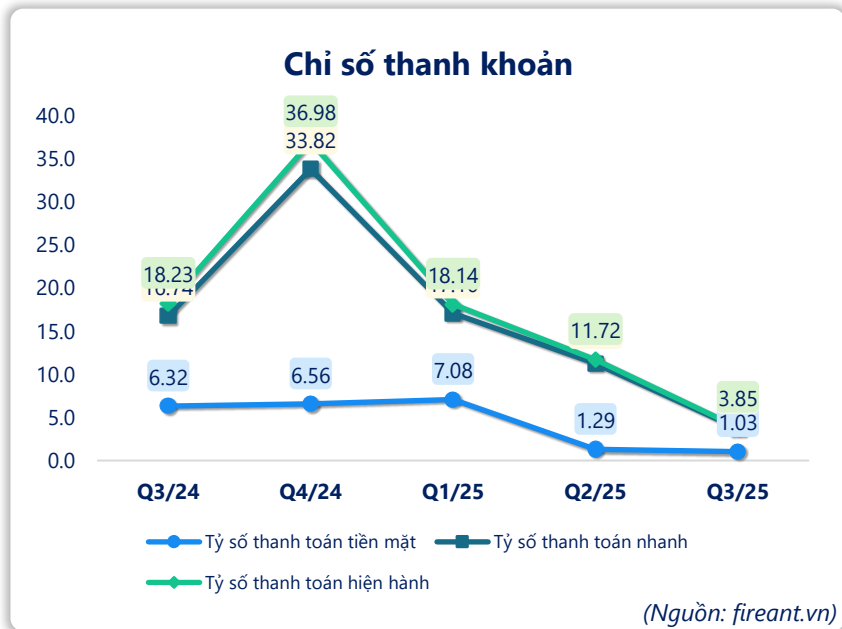
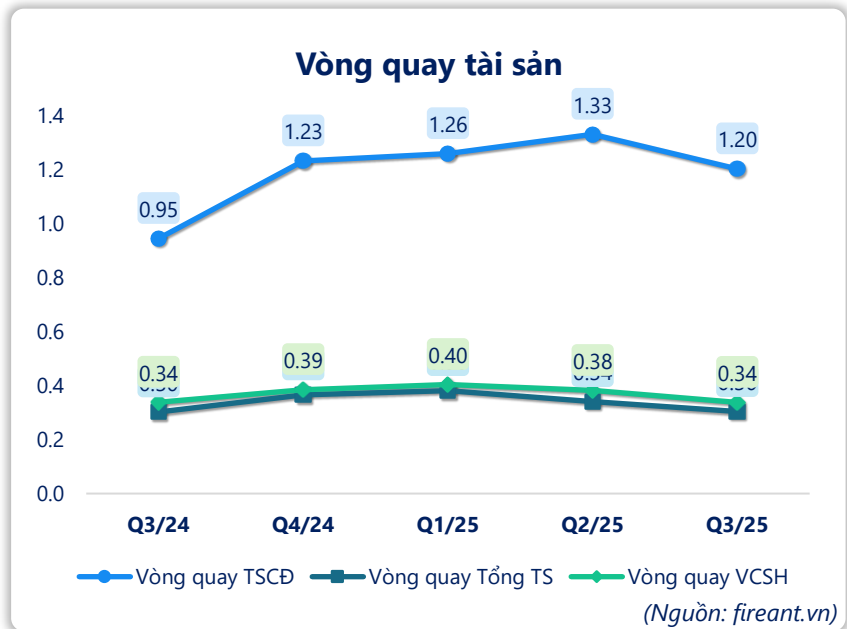
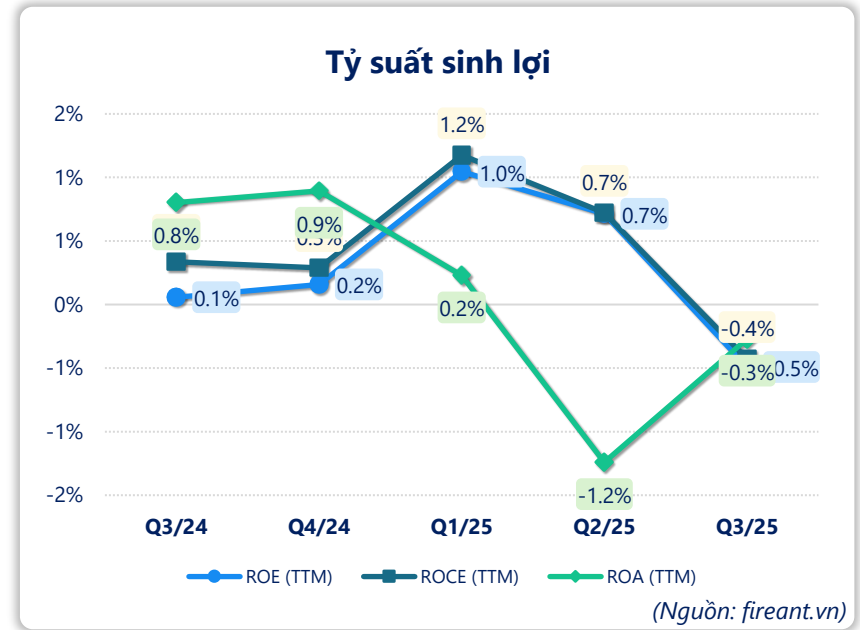
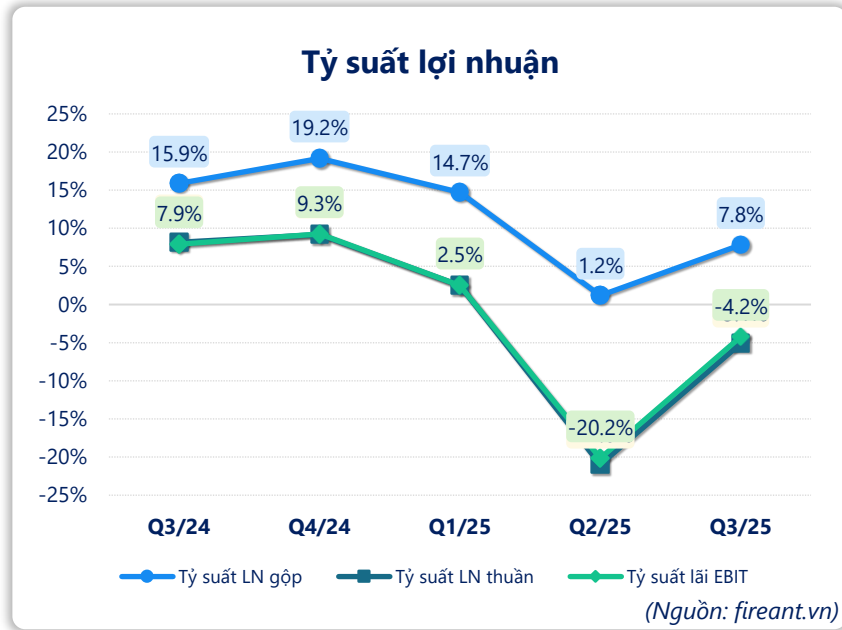
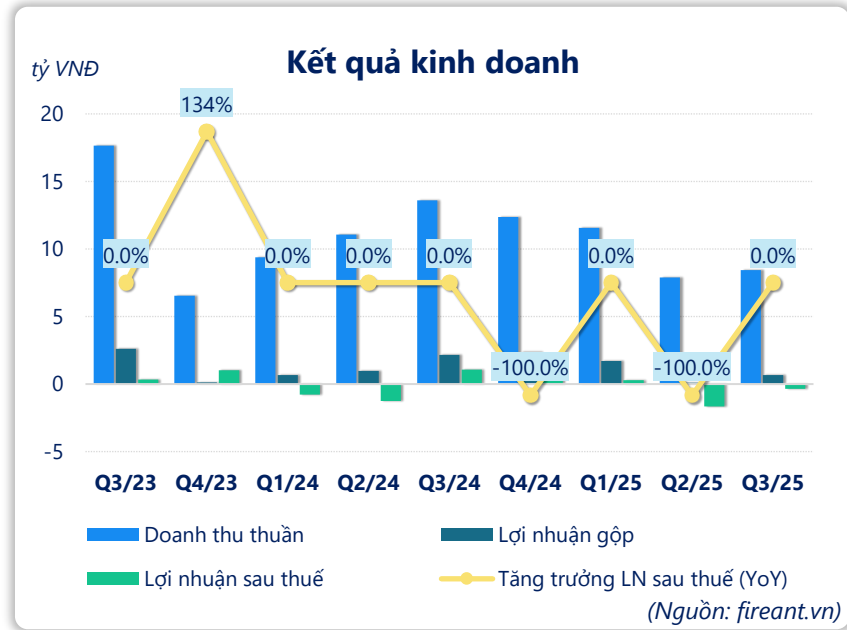


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,500
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		560
% sở hữu nước ngoài		25.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		66
P/E		-112.8
EPS		-49

	YTD	1T	3T	6T
KSD	17.0%	-8.3%	-1.8%	10.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	140	123	14.5%
Tài sản ngắn hạn	84.0	85.0	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	22.5	15.0	49.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	21.2	-100%
Phải thu ngắn hạn	56.2	41.4	35.9%
Hàng tồn kho	3.01	6.83	-56.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.24	0.52	327%
Tài sản dài hạn	56.4	37.6	50.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	32.1	33.8	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.1	0.28	7144%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.11	3.46	18.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.0	2.33	847%
Nợ ngắn hạn	21.8	2.33	838%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.0	0.49	3809%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.07	0.24	-72.5%
Nợ dài hạn	0.23	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	118	120	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	118	120	-1.6%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	13.6	12.4	11.6	7.88	8.44
Giá vốn hàng bán	11.4	9.99	9.86	7.79	7.78
Lợi nhuận gộp	2.16	2.37	1.70	0.09	0.66
Doanh thu HĐTC	0.09	0.95	0.09	0.62	0.04
Chi phí TC	0.01	0.01	0.01	0.06	0.05
Chi phí lãi vay	0	0.01	0	0.07	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.26	0.19	0.17	0.30	0.10
Chi phí QLDN	0.86	1.98	1.31	2.01	0.98
LN thuần từ HĐKD	1.11	1.14	0.29	-1.65	-0.43
Lợi nhuận khác	-0.03	0.00	0	0	0.07
LN trước thuế	1.08	1.13	0.29	-1.65	-0.36
Lợi nhuận sau thuế	1.08	1.13	0.29	-1.65	-0.36
LNST của CĐ cty mẹ	1.08	1.13	0.29	-1.65	-0.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.9	9.44	-1.19	2.24	-16.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.15	3.39	-8.71	-19.0	38.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.45	-7.61	-0.49	22.2	-24.8
Tiền đầu kỳ	16.4	9.68	15.0	4.62	10.0
Lưu chuyển tiền thuần	-6.60	5.23	-10.4	5.37	-3.01
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0.11	0	0.02	0.02
Tiền cuối kỳ	9.68	15.0	4.62	10.0	7.03

(Nguồn: fireant.vn)